

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Dương Minh Kiên

2/ Bà Nguyễn Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Mỹ Linh - *Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2025/TLST-HNGD ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255 ngày 27 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 254 ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T V, sinh năm 2000; Địa chỉ: s đường L, Phường L, Thành phố T, Thành phố A. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông H V, sinh năm 2000; Địa chỉ: m Đường số N, Phường B, quận G (phường A mới) Thành phố A. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2024, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà T V trình bày:

Bà T V và ông H V kén hôn năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L, Thành phố T, Thành phố A. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 159/2022, cấp ngày 11/11/2022, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, do tính cách

và định hướng cuộc sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Vì vậy, bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết cho bà V được ly hôn với ông V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà V và ông V có 01 con chung tên là Q, sinh ngày 05/03/2023 bà V yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, trong đơn khởi kiện bà V yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng một tháng, nay bà V thay đổi yêu cầu, bà V chỉ yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng một tháng.

Về tài sản chung: Bà T V không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Bà T V yêu cầu được ly hôn với ông H V là có cơ sở.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Q, sinh ngày 05/03/2023 do bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng một tháng.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của Bà T V đối với ông H V là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân quận G ngày 25 tháng 3 năm 2025, kết quả xác minh của Công an Phường B, quận G cho biết ông H V có tạm trú và cư trú tại m Đường số N, Phường B, quận G (phường A mới) Thành phố A từ năm 2023 đến tháng 01 năm 2025. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án làm thủ tục tổng đạt tại địa chỉ trên ông V vẫn là người nhận trực tiếp các văn bản của Tòa án. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 159/2022, cấp ngày 11/11/2022 ngày do Ủy ban nhân dân Phường L, Thành phố T, Thành phố A cấp thể hiện hôn nhân giữa bà T V và ông H V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà V, xét thấy trong thời gian chung sống, vợ chồng không hòa hợp, luôn phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Đã tự hòa giải và đóng góp ý kiến để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên không thể sống chung được nữa. Nay bà V yêu cầu ly hôn với ông V. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận G (phường A mới) Thành phố A, xác nhận bà V và ông V có cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có phát sinh mâu thuẫn. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà V là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì thực tế tình cảm vợ chồng đã rạn nứt mà không thể hàn gắn được. Bà V khai từ năm 2023 hai vợ chồng không còn hạnh phúc, do hai người không hợp nhau về tính cách, dự định trong cuộc sống nên bà V và ông V đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết phải kéo dài cuộc sống vợ chồng nữa; Tòa án cũng đã triệu tập ông H V đến Tòa để ghi lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, tham dự phiên Tòa, bản thân ông V đã trực tiếp nhận được giấy triệu tập, nhưng ông V không đến. Điều này thể hiện ý chí của ông V bỏ mặc việc ly hôn của bà V tại Tòa án. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T V với ông H V.

[5] Về con chung: Bà V khai Có 01 con chung tên là Q, sinh ngày 05/03/2023 do bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con

3.000.000 đồng. Yêu cầu của bà V về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi theo mặt bằng chung về việc nuôi dạy một trẻ gồm chi phí gửi trẻ, chi phí ăn uống sinh hoạt.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bà V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Luật án phí lệ phí 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T V xin ly hôn với bị đơn là ông H V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T V được ly hôn với ông H V (Giấy chứng nhận kết hôn số: 159/2022, cấp ngày 11/11/2022 do Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị).

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Q, sinh ngày 05/03/2023 do bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà T V có đơn yêu cầu thi hành án, ông H V chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông V còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T V phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã đóng tạm nộp theo biên lai thu số 0057282 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND P.Linh Trung;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bình

